ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1349/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 27 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 13548/TTr-SNNMT ngày 31/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Kế hoạch số 581/KH-UBND ngày 26/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (trước khi sáp nhập) về việc phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm

2030 và Kế hoạch số 1470/KH-UBND ngày 20/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (trước khi sáp nhập) về việc thực hiện Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- TT. TU, TU. HĐND tỉnh ;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030.

- Tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung của Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan; phát huy trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của tập thể và người đứng đầu các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu làm cơ sở để các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan liên quan xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển sản xuất rau an toàn, gồm: chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Đồng thời, áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật sản xuất rau an toàn, bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật; gắn việc xây dựng mã số vùng trồng với ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất rau an toàn.

- Việc tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung phải bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả; tập trung phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng rau trong nước và một phần phục vụ xuất khẩu; thúc đẩy phát triển bền vững ngành hàng rau, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, an toàn thực phẩm và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Diện tích rau sản xuất theo quy trình an toàn, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm truy xuất nguồn gốc đạt trên 60% tổng diện tích gieo trồng rau toàn tỉnh, tương đương khoảng 19.000 ha.

- Sản lượng rau toàn tỉnh đạt khoảng 550.000 – 580.000 tấn, trong đó sản lượng rau an toàn, sản xuất tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc đạt khoảng 340.000 – 360.000 tấn.

- Trên 95% số mẫu rau được kiểm tra, giám sát đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

1. Định hướng phát triển đến năm 2030

- Đến năm 2030, diện tích gieo trồng rau các loại trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 30.000 ha, sản lượng ước đạt từ 550.000 - 580.000 tấn.

Cơ cấu chủng loại rau phát triển đa dạng, trong đó tập trung chuyên canh một số nhóm rau chủ lực, gồm:

+ Rau ăn lá: 6.500 ha.

+ Rau ăn quả: 16.000 ha.

+ Dưa hấu: 4.500 ha.

+ Rau lấy củ, rễ, thân: 2.600 ha.

+ Nhóm rau khác: 400 ha.

2. Định hướng phát triển vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến

- Đến năm 2030, diện tích rau sản xuất theo quy trình an toàn, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm truy xuất nguồn gốc đạt trên 60% tổng diện tích gieo trồng rau toàn tỉnh, tương đương khoảng 19.000 ha.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả việc áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm nông sản; ưu tiên các sản phẩm rau chủ lực của tỉnh, sản phẩm phục vụ xuất khẩu hoặc có tiềm năng xuất khẩu.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc, xuất xứ; xây dựng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm truy xuất nguồn gốc trong sản xuất rau.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống kho mát, kho lạnh có công suất lớn, ứng dụng công nghệ bảo

quản hiện đại nhằm kéo dài thời gian bảo quản, giữ chất lượng sản phẩm sau thu hoạch; đẩy mạnh phát triển công nghệ chế biến, đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu rau và nghiên cứu, sử dụng hiệu quả phế phụ phẩm sau chế biến.

IV. GIẢI PHÁP

1. Về tổ chức sản xuất

- Xác định quy mô các vùng sản xuất rau tập trung phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan.

- Triển khai hiệu quả các chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tăng cường phối hợp với doanh nghiệp trong định hướng quy mô, phát triển vùng trồng rau, ưu tiên tại các khu vực sản xuất tập trung; thúc đẩy hình thành và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất rau từ xây dựng vùng trồng đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo chiều rộng và chiều sâu; chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho hợp tác xã, nhất là năng lực tổ chức sản xuất và liên kết với doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào, tiêu thụ và chế biến sản phẩm.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong nông nghiệp, thủy sản; khuyến khích hình thành, mở rộng và duy trì các vùng sản xuất tập trung theo tiêu chuẩn GAP, nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; qua đó gia tăng diện tích sản xuất nông sản an toàn, đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và góp phần thực hiện mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Xây dựng vùng sản xuất rau tập trung, cấp mã số vùng trồng gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm

- Tổ chức liên kết sản xuất theo hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm hình thành và phát triển các vùng sản xuất rau tập trung.

- Tuyên truyền, vận động và khuyến khích các vùng sản xuất rau áp dụng, đáp ứng các tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP).

- Hướng dẫn, hỗ trợ cấp mã số vùng trồng gắn với hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

3. Về khoa học công nghệ

- Triển khai áp dụng các giống rau có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu sâu bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên sử dụng các giống rau bản địa, giống mới, giống lai F1 như cải bắp, cà chua, dưa chuột, ớt cay và các loại rau chủ lực khác.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình, quy chuẩn kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bền vững; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật sinh học; hạn chế sử

dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa học; đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các quy trình sản xuất rau an toàn vào thực tiễn.

- Tăng cường nghiên cứu, dự báo thị trường tiêu thụ sản phẩm rau; nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao hoặc mua bản quyền công nghệ mới trong khâu sơ chế, bảo quản, chế biến; đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số và truy xuất nguồn gốc trong sản xuất rau an toàn.

4. Về xúc tiến thương mại

- Đối với thị trường trong nước:

+ Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm rau an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc.

+ Đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, hội chợ, triển lãm, quảng bá sản phẩm; đa dạng hóa các hình thức xúc tiến thương mại nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ về sản phẩm rau của tỉnh.

- Đối với thị trường xuất khẩu:

+ Tăng cường tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân các quy định về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói xuất khẩu và các yêu cầu của thị trường nhập khẩu nông sản như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu (EU) và các thị trường tiềm năng khác.

+ Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng, hoàn thiện mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

5. Về quản lý nhà nước

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển sản xuất rau an toàn, gồm: chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Đồng thời, nghiên cứu, ban hành các chính sách mới hỗ trợ phát triển ngành rau, trong đó có rau an toàn; hỗ trợ áp dụng quy chuẩn kỹ thuật sản xuất rau an toàn, xây dựng mã số vùng trồng và thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất rau an toàn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp (thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chất kích thích sinh trưởng, giống, chất bảo quản…); kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng sản phẩm rau; quản lý các yếu tố nguy cơ gây ô nhiễm đất, nguồn nước tưới tại các vùng sản xuất rau an toàn.

- Thực hiện việc cấp mới, quản lý và giám sát định kỳ các mã số vùng trồng rau tập trung đã được cấp theo quy định.

- Tổ chức giám sát các chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với sản phẩm rau tại

vùng sản xuất, cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến và tại các cơ sở kinh doanh, chợ trên địa bàn.

6. Về đầu tư tăng cường năng lực

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất rau theo hướng xã hội hóa, trong đó huy động chủ yếu nguồn vốn của doanh nghiệp và người dân. Khuyến khích hộ gia đình đầu tư hình thành các vùng sản xuất rau tập trung; hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết với hộ sản xuất và doanh nghiệp đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản; doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở sơ chế, nhà máy chế biến và phát triển thương hiệu sản phẩm rau.

- Ngân sách nhà nước thực hiện đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất rau theo quy định của pháp luật để triển khai các nhiệm vụ: xây dựng mô hình nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học – công nghệ; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, ưu tiên nguồn nhân lực sản xuất rau an toàn; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, sản xuất và chế biến rau; tổ chức tham quan, học tập các mô hình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao hiệu quả trong và ngoài nước; đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất và tiêu thụ như thủy lợi, giao thông, điện, chợ đầu mối, sàn giao dịch; thực hiện xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm rau.

7. Về hợp tác quốc tế

Phối hợp với các đơn vị Trung ương (Cục, Viện, Trường…) trong phát triển sản xuất rau, tập trung vào các nội dung: trao đổi, tiếp nhận các giống rau mới; nghiên cứu, chọn tạo hoặc nhập nội các giống rau mới, giống lai; xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn phù hợp với yêu cầu của các thị trường nhập khẩu; nâng cao năng lực quản trị chuỗi sản xuất, sơ chế, bảo quản và chế biến rau; quản lý, kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm nguồn nước và đất trồng rau; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm rau.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách; kinh phí lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và kế hoạch hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chủ trì hướng dẫn xây dựng, quản lý mã số vùng trồng; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề

xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

2. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường lựa chọn, kết nối, mời gọi doanh nghiệp tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm rau của tỉnh; tổ chức triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp đạt chứng nhận an toàn thực phẩm, có áp dụng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh.

- Đối với thị trường trong nước: Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm rau an toàn gắn với mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc; đa dạng hóa kênh phân phối, phát triển các sàn giao dịch, đẩy mạnh hoạt động kết nối cung cầu, hội chợ, triển lãm, quảng bá và xúc tiến thương mại nhằm cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm rau của tỉnh đến người tiêu dùng.

- Đối với thị trường xuất khẩu: Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; tạo điều kiện thuận lợi để sản phẩm rau của tỉnh tiếp cận và tiêu thụ ổn định, bền vững trên thị trường quốc tế.

3. Sở Tài chính

- Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, căn cứ kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí cho các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo quy định; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất các chính sách nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công để đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật đối với các dự án cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, sơ chế, chế biến rau; đầu tư hạ tầng vùng sản xuất rau tập trung (giao thông, thủy lợi, điện, chợ đầu mối, sàn giao dịch,…) phù hợp khả năng cân đối ngân sách và đề xuất của các cơ quan liên quan.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường mời gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển vùng trồng rau quy mô lớn, ưu tiên tại các vùng định hướng sản xuất rau tập trung theo Kế hoạch này; thúc đẩy hình thành và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất rau từ vùng trồng đến sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và hỗ trợ nhà đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai, sớm đưa vào hoạt động các dự án, nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ các cơ sở sản xuất nông nghiệp đã được chứng nhận an toàn thực phẩm, có áp dụng truy xuất nguồn gốc, tham gia các chương trình phát triển du lịch nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các sản phẩm nông nghiệp đã được chứng nhận an toàn thực phẩm, có áp dụng truy xuất nguồn gốc; khuyến khích người dân sản xuất, tiêu thụ nông sản an toàn thông qua các kênh thương mại điện tử, sàn giao dịch nông sản của tỉnh và các nền tảng bán hàng phù hợp khác.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, chế tạo hoặc tiếp nhận, mua bản quyền các công nghệ mới phục vụ công tác sơ chế, bảo quản, chế biến rau; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kết nối Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm quốc gia, trọng tâm là triển khai truy xuất nguồn gốc trong sản xuất rau an toàn. Đồng thời, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong trồng trọt, chăm sóc, phát triển vùng nguyên liệu rau an toàn.

6. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Kế hoạch đến đông đảo thành viên, hội viên; tham gia đề xuất cơ chế, chính sách triển khai thực hiện; hỗ trợ kinh phí thực hiện (nếu có); cung cấp thông tin về thị trường rau; chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến rau cho người sản xuất.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai cụ thể và xác định lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình sản xuất rau tham gia liên kết, hợp tác với hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp nhằm hình thành vùng sản xuất tập trung, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình sản xuất rau an toàn, rau ứng dụng công nghệ cao và các mô hình sản xuất hiệu quả khác.

- Thu hút, mời gọi và tạo điều kiện hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm rau trên địa bàn; tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

8. Chế độ báo cáo

Định kỳ hằng năm, trước ngày 15/11, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch

này về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Đề nghị Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.